

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
TỈNH NAM ĐỊNH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 05/2023/HNGĐ-ST

Ngày 20-02-2023

V/v: “Ly hôn, tranh chấp nuôi con  
khi ly hôn”

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH NAM ĐỊNH**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Ông Nguyễn Tiến Dũng

*Các Hội thẩm nhân dân:* Ông Nguyễn Văn Thành

Bà Nguyễn Thị Anh Quế

**- Thư ký phiên tòa:** Bà Ngô Thu Phương - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Nam Định.

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Nam Định tham gia phiên tòa:** Ông Trần Trọng Dân - Kiểm sát viên.

Ngày 20 tháng 02 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Nam Định xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 45/2022/TLST-HNGĐ ngày 05 tháng 10 năm 2022 về việc “Ly hôn, tranh chấp nuôi con khi ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 04/2023/QĐXXST-DS ngày 19 tháng 01 năm 2023 giữa các đương sự:

**- Nguyên đơn:** Chị Phạm Thị S, sinh năm 1990.

Hộ khẩu thường trú: Xóm 4, xã G1, huyện G, tỉnh Nam Định.

Nơi tạm trú: Tổ dân phố T, phường Th, quận B, Hà Nội.

**- Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn về giao nhận văn bản:** Anh Nguyễn Văn Đ, sinh năm 1994 và chị Đinh Thị H, sinh năm 2000.

Cùng địa chỉ: Biệt thự số 1 lô 4E Tr 10B, phường Y, quận C, Hà Nội.

**- Bị đơn:** Anh Doãn Văn Th, sinh năm 1984.

Hộ khẩu thường trú: Xóm 4, xã G1, huyện G, tỉnh Nam Định. Hiện đang cư trú tại Nhật Bản.

Tại phiên tòa chị S, anh Đ, chị H có mặt. Anh Th vắng mặt.

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

\* Tại đơn khởi kiện, đơn bổ sung khởi kiện, đơn trình bày, bản tự khai và trong quá trình tố tụng, nguyên đơn chị Phạm Thị S trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Chị và anh Doãn Văn Th tự nguyện kết hôn, có đăng ký kết hôn ngày 17/07/2014 tại Ủy ban nhân dân xã G1, huyện G. Thời gian đầu cả hai chung sống hạnh phúc sau phát sinh mâu thuẫn vì khác biệt quan điểm sống và tính nết. Năm 2017 anh Th đi xuất khẩu lao động tại Nhật Bản, tháng 7 năm 2022 anh Th về Việt Nam làm đơn ly hôn chị nhưng sau đó lại rút đơn. Tuy nhiên anh chị vẫn mâu thuẫn, anh Th đánh chị bầm tím mặt mũi chân tay khiến chị phải làm đơn báo chính quyền địa phương can thiệp. Nay chị xác định vợ chồng không còn tình cảm, không thể tiếp tục chung sống nên đề nghị Tòa án giải quyết ly hôn.

Về con chung: Anh chị có 01 con chung là Doãn Thị Hồng Ph, sinh ngày 22/11/2015 hiện đang sống và học tập cùng chị S tại Hà Nội. Ly hôn chị đề nghị Tòa án giao cho chị tiếp tục nuôi dưỡng cháu Ph, anh Th có trách nhiệm cấp dưỡng nuôi con chung mỗi tháng 02 triệu đồng cho đến khi cháu đủ 18 tuổi.

Về tài sản chung, công nợ chung: Chị không yêu cầu Tòa án giải quyết.

\* Bị đơn anh Doãn Văn Th đang lao động tại Nhật Bản. Tòa án tiến hành giao các văn bản tố tụng cho bố mẹ đẻ của anh Th là ông Doãn Văn Đ và bà Bùi Thị G, ông bà đồng ý nhận thay cho anh Th và có trách nhiệm thông báo cho anh Th biết để anh Th thực hiện quyền và nghĩa vụ của mình. Đến nay anh Th không gửi cho Tòa án văn bản trình bày quan điểm của mình.

\* Tại biên bản làm việc ngày 20 tháng 12 năm 2022, ông Doãn Văn Đ trình bày: Con trai ông là anh Doãn Văn Th đang lao động tại Nhật Bản, gia đình ông không biết địa chỉ cụ thể của anh Th nhưng anh Th vẫn liên hệ với gia đình qua điện thoại và mạng xã hội. Sau khi nhận được các văn bản tố tụng của Tòa án, ông bà đã thông báo cho anh Th, anh Th có quan điểm là đồng ý ly hôn và đồng ý cho chị S nuôi con với điều kiện chị S không được ngăn cản anh và gia đình thăm nom con. Anh Th không đồng ý với yêu cầu cấp dưỡng nuôi con của chị S, đề nghị Tòa án giải quyết theo pháp luật.

\* Tại phiên toà, chị Phạm Thị S giữ nguyên ý kiến quan điểm như đã nêu trên.

\* Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Nam Định phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật trong quá trình giải quyết vụ án:

Về tố tụng: Quá trình giải quyết vụ án Thẩm phán, Hội đồng xét xử và Thư ký đã tuân theo các quy định pháp luật tố tụng dân sự. Nguyên đơn chấp hành các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự, bị đơn không có văn bản và tài liệu chứng cứ giao nộp cho Tòa án là chưa thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ quy định tại Điều 70, 72 Bộ luật tố tụng dân sự.

Về đường lối giải quyết vụ án: Căn cứ Điều 56, 58, 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình 2014, Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về án phí và lệ phí Tòa án, đề nghị xử lý hôn giữa chị Phạm Thị S và anh Doãn Văn Th. Giao cháu Doãn Thị Hồng Ph cho chị S nuôi

dưỡng, buộc anh Th cấp dưỡng nuôi con là 2.000.000đồng/tháng. Án phí đương sự phải nộp theo quy định của pháp luật.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Anh Doãn Văn Th đã được Tòa án tổng đạt các văn bản tố tụng và triệu tập hợp lệ đến phiên tòa lần thứ 2 nhưng vắng mặt không lý do. Theo quy định tại khoản 2 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án vẫn tiến hành xét xử vắng mặt anh Th.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Chị Phạm Thị S và anh Doãn Văn Th kết hôn trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn ngày 17/07/2014 tại Ủy ban nhân dân xã G1 nên là hôn nhân hợp pháp. Quá trình chung sống do xa cách địa lý và khác biệt quan điểm sống, hai bên phát sinh mâu thuẫn, anh Th đã chủ động xin ly hôn chị S nhưng lại rút đơn. Sau đó mâu thuẫn không giảm, vợ chồng tiếp tục xô xát, chính quyền địa phương phải can thiệp. Xét mâu thuẫn của chị S và anh Th là trầm trọng kéo dài, cả hai không còn tình cảm với nhau, mục đích hôn nhân không đạt được nên cần chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị S là phù hợp với quy định tại Điều 51, khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

[3] Về con chung: Anh chị có một con chung là Doãn Thị Hồng Ph sinh ngày 22/11/2015, chị S đang nuôi dưỡng. Chị S xin nuôi con chung và yêu cầu anh Th cấp dưỡng 2.000.000 đồng/tháng, anh Th cũng đồng ý cho chị S nuôi con chung nhưng không đồng ý cấp dưỡng. Xét yêu cầu của chị S là phù hợp với pháp luật và điều kiện thực tế hiện nay cũng như nguyện vọng của cháu Ph. Vì vậy cần giao cho chị S nuôi con và buộc anh Th có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung mỗi tháng 2.000.000 đồng cho đến khi cháu Ph trưởng thành và lao động tự lập được.

[4] Về tài sản chung và công nợ chung: Các đương sự không yêu cầu nên Tòa án không xem xét giải quyết.

[5] Về án phí: Chị S phải nộp án phí ly hôn sơ thẩm, anh Th phải nộp án phí cấp dưỡng nuôi con theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên.

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ vào khoản 1 Điều 56, Điều 58, Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Xử lý hôn giữa chị Phạm Thị S và anh Doãn Văn Th.

2. Về con chung: Giao cháu Doãn Thị Hồng Ph sinh ngày 22 tháng 11 năm 2015 cho chị Phạm Thị S trực tiếp trông nom, nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục. Anh Doãn Văn Th có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung mỗi tháng 2.000.000đ (Hai triệu đồng) kể từ tháng 02 năm 2023 cho đến khi cháu Ph trưởng thành và lao động tự lập được.

Người không trực tiếp nuôi con có quyền thăm nom con, không ai được cản trở nhưng không được lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, giáo dục, nuôi dưỡng con của người trực tiếp nuôi con.

3. Án phí:

Chị Phạm Thị S phải nộp 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) án phí ly hôn sơ thẩm nhưng được đối trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) tại biên lai số 0006784 ngày 04/10/2022 của Cục thi hành án dân sự tỉnh Nam Định. Chị S đã nộp đủ án phí ly hôn sơ thẩm.

Anh Doãn Văn Th phải nộp 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) án phí cấp dưỡng nuôi con.

4. Về quyền kháng cáo: Chị S có mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, anh Th vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 01 tháng kể từ ngày nhận được bản án hoặc được tổng đạt hợp lệ.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự, có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật thi hành án dân sự.

**Nơi nhận:**

- TAND cấp cao tại Hà Nội;
- VKSND tỉnh Nam Định;
- Cục THADS tỉnh Nam Định;
- UBND xã G1;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Nguyễn Tiến Dũng**